



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

Tháng 01, 2026



MỤC LỤC

I. CẬP NHẬT VĨ MÔ	3
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF	5
1. Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	5
2. Quỹ ETF SSIAM VN30	8
3. Quỹ ETF SSIAM VNX50	10

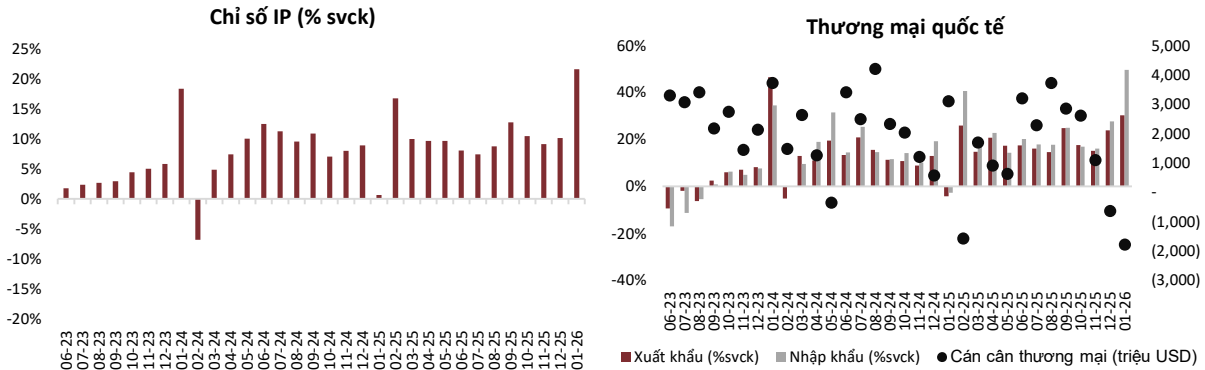
CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 1 2026

Tăng trưởng mạnh trên diện rộng trong tháng 1

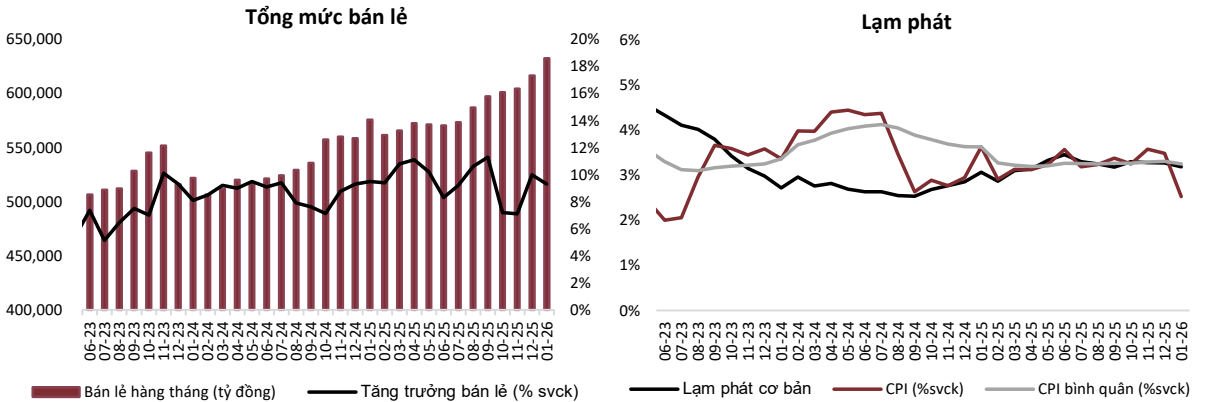
Động lực tăng trưởng kinh tế tiếp tục được củng cố trong tháng 1/2026, với sản xuất công nghiệp phục hồi mạnh, dòng vốn FDI bền vững và tiêu dùng nội địa duy trì tích cực trong dịp Tết. Mặc dù ghi nhận thâm hụt thương mại, áp lực tỷ giá đã giảm đáng kể nhờ nhu cầu VND theo mùa và kiều hối tăng cao.

Sản xuất tăng trưởng 23.6% svck, với đà tăng trưởng diễn ra trên diện rộng tại khắp các tỉnh thành trên cả nước. Mức tăng này được cộng hưởng bởi hiệu ứng mức nền thấp, do tháng 1/2025 trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên đán sớm hơn năm nay, khiến hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn tạm thời. Sản lượng các mặt hàng chủ lực ghi nhận mức tăng mạnh, bao gồm khoáng sản (+42% svck), ô tô (+37% svck) và vật liệu cơ bản (+35% svck). Chỉ số PMI đạt 52.5 điểm trong tháng 1, cho thấy điều kiện kinh doanh cải thiện rõ rệt ngay từ đầu năm 2026. Hoạt động thương mại quốc tế tăng tốc mạnh, với xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt tăng 29.7% và 49.0% svck, phản ánh xu hướng đẩy mạnh sản xuất và giao thương trước kỳ nghỉ lễ. Xét theo khu vực, xuất khẩu của khối FDI tăng mạnh 42,2% svck, trong khi khu vực trong nước giảm nhẹ 1.3% svck, khiến thâm hụt thương mại đạt 1.8 tỷ USD. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục duy trì tích cực. Vốn FDI đăng ký mới đạt gần 1.5 tỷ USD (+14.4% svck), trong khi FDI giải ngân đạt gần 1.7 tỷ USD (+11.3% svck), cao hơn tốc độ ghi nhận trong năm 2025.

Tính đến cuối tháng 1, giải ngân đầu tư công đạt 94.8% kế hoạch, tương đương 33.02 tỷ USD trên tổng kế hoạch 33.83 tỷ USD của năm 2025. Riêng trong tháng 1, giá trị giải ngân ước đạt 3.4% kế hoạch năm, tương đương khoảng 1.3 tỷ USD.



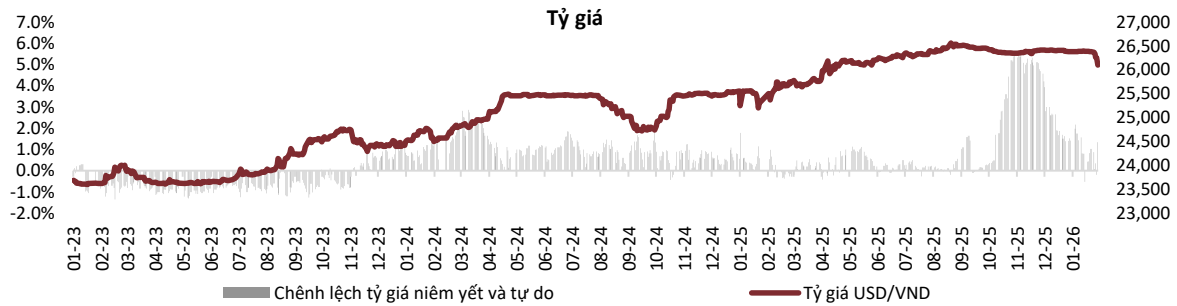
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong tháng 1/2026 tăng 9.3% svck, tương đương 6.3% theo giá thực, cho thấy xu hướng cải thiện bền vững của tiêu dùng nội địa. Đáng chú ý, tháng 1/2026 không trùng với Tết Nguyên đán, trong khi cùng kỳ năm trước là tháng cao điểm tiêu dùng dịp Tết, càng củng cố tín hiệu tích cực của cầu nội địa. Động lực chính đến từ nhu cầu trong nước ổn định và sự phục hồi mạnh của du lịch, với lượng khách quốc tế tăng 18.5% svck, đạt 2.5 triệu lượt.



Lạm phát tháng 1 vẫn duy trì ở mức thấp hơn đáng kể so với mục tiêu của Chính phủ và trong tầm kiểm soát đối với tháng cận Tết. CPI tổng thể tháng 1 tăng 2.53% svck (so với 3.48% svck trong tháng 12/2025). So với tháng trước, CPI chỉ tăng 0.05% (so với 0.19% svtt trong tháng 12), do giá heo hơi, chi phí ăn uống ngoài gia đình (+0.44% svtt) và chi phí sửa chữa nhà ở (+0.6% svtt) tăng nhẹ trước Tết. Ngược lại, nhóm giao thông giảm mạnh 2.32% svtt, kéo CPI chung giảm 0.23 điểm phần trăm, nhờ giá xăng dầu giảm 5.34% svtt. Lạm phát cơ bản tăng 3.19% svtt, cao hơn CPI chung do nhóm giao thông (yếu tố kéo giảm CPI chung) được loại trừ khỏi rổ tính lạm phát cơ bản.

CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 1 2026

Đồng VND cho thấy mức độ ổn định đáng kể trong tháng 1/2026, tăng 1.3% từ đầu năm trên thị trường chính thức và phục hồi khoảng 6% trên thị trường phi chính thức so với đỉnh tháng 11, qua đó thu hẹp đáng kể chênh lệch tỷ giá, bất chấp thâm hụt thương mại 1.8 tỷ USD. Sự ổn định này được hỗ trợ bởi dòng kiều hối dồi dào dịp cuối năm, USD suy yếu (DXY giảm 1.4%) và nhu cầu tiền Đồng tăng cao mang tính mùa vụ trước Tết Nguyên đán. Thanh khoản cải thiện trong tháng 1 cho phép NHNN hút ròng 64,3 nghìn tỷ đồng, kéo lãi suất qua đêm bình quân giảm xuống 4.3% từ mức 6% trong tháng 12. Tuy nhiên, áp lực thanh khoản quay trở lại vào đầu tháng 2, buộc NHNN bơm thêm khoảng 1 tỷ USD thông qua nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ (FX swaps), nhằm ổn định mặt bằng lãi suất. Dự nợ OMO đạt 321 nghìn tỷ đồng cuối tháng 1, giảm so với 409 nghìn tỷ đồng cuối năm 2025.



Sau mức tăng 41% trong năm 2025, chỉ số VNIndex tiếp tục duy trì đà tăng trong tháng 1, đóng cửa ở mức 1.829 điểm (+2,5%). Nhóm cổ phiếu Vingroup bước vào pha điều chỉnh, sau đợt tăng mạnh gấp 6-8 lần trong năm 2025, đi ngược với kết quả kinh doanh Q4 tích cực. Tuy nhiên, điểm sáng là độ rộng thị trường đã được cải thiện khi dòng tiền luân chuyển sang các cổ phiếu vốn hóa lớn và các nhóm ngành khác. Đáng chú ý, nhóm doanh nghiệp Nhà nước đã thu hút đà tăng nhờ động lực từ Nghị quyết 79. Nghị quyết này được kỳ vọng sẽ giúp nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động, đồng thời đẩy nhanh tiến trình thoái vốn nhà nước. Giá trị giao dịch bình quân ngày trên sàn HSX và toàn thị trường trong tháng 1 tăng lần lượt 46.9% svtt và 49.4% svtt, đạt 1.33 tỷ USD và 1.47 tỷ USD.

Diễn biến theo ngành nhìn chung tích cực, dẫn dắt bởi nhóm Năng lượng và Tiện ích. Nhóm Dầu khí ghi nhận mức tăng mạnh nhất, tăng 42%, chủ yếu nhờ PLX (+67%) và OIL (+51%). Theo sau là nhóm Tiện ích (+37%), được hỗ trợ chủ yếu bởi GAS (+62%). Ở chiều ngược lại, các nhóm ngành Bất động sản (-14%), Công nghiệp (-6%) và Dịch vụ tiêu dùng (-3%) là những ngành diễn biến kém tích cực nhất trong kỳ.

Trong năm 2026, chúng tôi dự báo lợi nhuận doanh nghiệp tăng 14% svck, giảm nhẹ so với mức 17.5% svck trong năm 2025. Định giá thị trường vẫn ở mức hấp dẫn, với P/E trượt 12 tháng ở mức 16.5x và P/E dự phóng 2026 khoảng 13.8x, thấp hơn mức trung bình 5 năm là 14x. Nếu loại trừ nhóm cổ phiếu Vingroup, P/E dự phóng 2026 chỉ còn 11.8x. Chúng tôi kỳ vọng hiệu suất vượt trội trong năm 2026 sẽ chủ yếu đến từ các nhóm ngành đi sau thị trường chung, nhưng có nền tảng tăng trưởng lợi nhuận tích cực và mặt bằng định giá còn hấp dẫn, bao gồm nhóm Tiêu dùng, Vật liệu, Năng lượng và một số ngành hàng được chọn lọc.

TÍNH ĐẾN 30/01/2026	1 THÁNG	3 THÁNG	1 NĂM	2025	TỶ TRỌNG VN-INDEX	P/E 12 tháng	P/B	ROE	BETA
Dịch vụ truyền thông	-2.8%	-9.6%	-2.8%	-16.3%	0.1%	7.7	1.1	15.3	0.6
Hàng tiêu dùng KTY	4.3%	12.8%	4.3%	13.3%	4.9%	14.5	3.2	20.9	1.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.8%	-0.2%	0.8%	3.1%	8.0%	19.8	3.6	19.5	0.7
Năng lượng	41.8%	2.1%	41.8%	7.9%	2.6%	31.7	1.9	6.4	1.1
Tài chính	8.9%	-6.0%	8.9%	21.4%	40.3%	10.9	1.8	17.4	1.0
Chăm sóc sức khỏe	3.8%	1.5%	3.8%	1.1%	0.5%	20.4	2.3	12.3	0.6
Công nghiệp	-6.0%	1.9%	-6.0%	36.3%	7.4%	14.9	2.1	12.1	0.9
Công nghệ thông tin	9.8%	2.1%	9.8%	-26.4%	2.3%	19.1	4.5	25.5	0.8
Nguyên vật liệu	14.0%	-7.5%	14.0%	-0.5%	6.0%	16.0	1.7	11.3	1.1
Bất động sản	-14.0%	44.0%	-14.0%	230.3%	22.8%	24.8	2.8	12.1	1.1
Tiện ích	36.9%	9.2%	36.9%	6.7%	5.0%	19.6	2.6	13.5	0.8
VN-Index	2.5%	11.6%	2.5%	44.4%	100%	16.5	2.3	15.1	1.0
VN30	0.0%	7.7%	0.0%	50.9%		15.6	2.4	16.6	

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

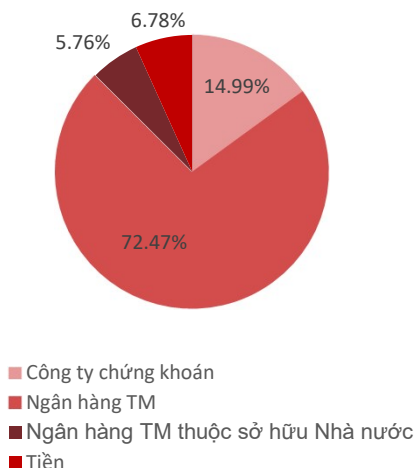
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 31/01/2026

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
MÃ QUỸ	FUESSVFL
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
NGÀY THÀNH LẬP	24/02/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	565.78 TỶ VND (~21.77 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0.65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	18,200,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, BVSC, HSC, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	23
HỆ SỐ P/E	9.72x
HỆ SỐ P/B	1.58x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD INDEX

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính. VNAllShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho trên 30% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập
FUESSVFL	31,087.12	1.84%	1.53%	1.84%	210.87%
VNFIN LEAD Index	3,039.68	2.30%	2.39%	2.30%	209.66%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Chỉ số VNFIN LEAD tăng 2.30% trong tháng Một, tương ứng quỹ FUESSVFL cũng ghi nhận mức tăng 1.84%. Tính từ đầu năm 2026, chỉ số VNFIN LEAD tăng điểm nhờ sự đóng góp của nhóm cổ phiếu ngân hàng thương mại thuộc sở hữu Nhà nước.

VN-Index tăng 2.50% trong tháng Một. VN-Index vượt ngưỡng 1,800 điểm vào đầu tháng và chinh phục ngưỡng 1,900 điểm vào giữa tháng, trước khi điều chỉnh giảm và đóng cửa tại 1,829.04 điểm. Đây tiếp tục là mức điểm số đóng cửa tháng cao nhất trong lịch sử của chỉ số VN-Index. Như vậy, tính từ đầu năm 2026, VN-Index ghi nhận mức tăng 2.50%. Trong tháng Một, những yếu tố tích cực đã giúp chỉ số duy trì xu hướng tăng giá trước đó bao gồm:

- (1) Ví mô ổn định và lạm phát duy trì ở mức thấp;
- (2) Ban hành Nghị quyết 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước thành trụ cột tăng trưởng;
- (3) Dòng tiền lan tỏa rộng và tăng đều trên toàn thị trường thay vì tập trung cục bộ tại một nhóm cổ phiếu;

Ngành Năng lượng và Tiện ích dẫn dắt xu hướng tăng điểm của thị trường trong tháng Một: Ngành Năng lượng (+41.8%), Tiện ích (+36.9%) và Nguyên vật liệu (+14%), chiếm khoảng 13.6% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, đã tạo sự lan tỏa lên toàn thị trường, khiến hầu hết các ngành tăng điểm. Trong khi đó, ngành BĐS (-14%), Công nghiệp (-6%) và Dịch vụ truyền thông (-2.8%), chiếm khoảng 30.3% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, đã kéo giảm đà tăng của chỉ số.

Thanh khoản thị trường tăng mạnh so với tháng liền trước: Giá trị giao dịch trung bình ngày (GTGDTCBN) trên sàn HSX đạt 1.3 tỷ USD/ngày, tăng 46.9% so với tháng Mười Hai. Nguyên nhân của việc thanh khoản toàn thị trường tăng mạnh tới từ chính những doanh nghiệp niêm yết được dự báo hưởng lợi từ Nghị Quyết 79, từ đó lan tỏa tới giao dịch toàn thị trường.

Khối ngoại tiếp tục duy trì đà bán ròng với quy mô hơn 250 triệu USD: NĐTNN tập trung bán ròng mạnh các mã như VHM, VIC, VRE, MCH, VJC, STB.

1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD (tiếp theo)
DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Mã	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (triệu VND)	FOL	ROE (%)	ROA (%)	YTD 2025 (%)	P/E	P/B	CTR YTD
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	4.28	123,793,424	2%	17.56	1.65	0.42%	7.86	1.30	0.03
2	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.39	378,451,407	13%	17.82	0.93	38.56%	12.52	2.31	0.13
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2.53	300,969,105	4%	21.59	1.34	8.39%	9.16	1.81	0.21
4	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1.56	38,837,725	27%	12.01	1.27	-2.11%	33.67	1.44	-0.04
5	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0.68	25,432,980	16%	9.43	3.03	5.13%	20.38	1.77	0.03
6	HDB	Ngân hàng Phát triển TP HCM	7.68	141,649,322	4%	24.78	2.06	-4.71%	8.77	1.90	-0.40
7	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	2.03	124,420,299	4%	25.23	2.05	-0.36%	10.70	2.59	-0.01
8	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	9.53	219,095,998	1%	21.57	1.95	7.51%	8.21	1.62	0.79
9	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	0.83	38,688,000	1%	14.23	1.64	0.00%	6.76	0.94	0.00
10	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	0.12	24,276,988	28%	20.00	1.30	-1.05%	5.75	1.08	0.00
11	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0.08	31,424,017	2%	12.32	1.34	-1.26%	8.08	0.96	0.00
12	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	7.46	73,499,261	26%	19.48	1.54	-2.14%	6.04	1.10	-0.16
13	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	0.25	48,791,750	5%	17.36	1.98	-1.72%	9.03	1.20	-0.01
14	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	7.84	77,597,695	56%	13.49	4.45	2.98%	16.17	2.26	0.20
15	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	8.87	118,768,590	16%	21.56	1.58	8.62%	20.12	1.91	0.78
16	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	13.33	254,396,031	0%	16.03	2.33	2.87%	9.83	1.46	0.43
17	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1.15	47,713,606	5%	17.14	1.56	0.58%	6.43	1.19	0.01
18	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.85	589,075,094	9%	17.01	1.63	22.61%	16.65	2.63	0.60
19	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	1.15	26,483,290	97%	8.67	4.29	5.35%	19.12	1.43	0.06
20	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.19	60,591,302	0%	16.41	1.39	0.28%	8.19	1.27	0.01
21	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	3.91	34,610,315	92%	28.85	20.12	0.44%	6.19	1.56	0.00
22	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1.42	28,162,548	89%	9.96	4.22	-4.88%	13.66	1.32	-0.07
23	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	14.19	222,149,861	5%	15.49	2.20	-2.27%	9.06	1.29	-0.32

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

2. QUỸ ETF SSIAM VN30

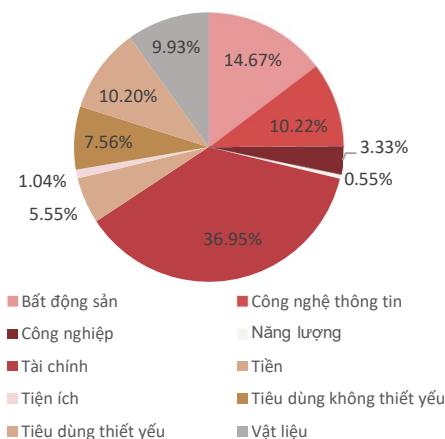
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 31/01/2026

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VN30
MÃ QUỸ	FUESSV30
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VN30 Index
NGÀY THÀNH LẬP	22/06/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	227.18 tỷ VND (~8.82 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VDSC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công Ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
PHÍ QUẢN LÝ	0.55%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	9,000,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, BVSC, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	29
HỆ SỐ P/E	14.51x
HỆ SỐ P/B	2.42x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ ETF SSIAM VN30 hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN30 trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VN30. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với chỉ số VN30 hoặc đưa các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VN30 INDEX

Chỉ số VN30 là chỉ số bao gồm các cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có giá trị vốn hóa và thanh khoản cao nhất thị trường. Chỉ số VN30 có giới hạn trọng lượng 10% đối với cổ phiếu riêng lẻ và 15% đối với nhóm cổ phiếu liên quan.

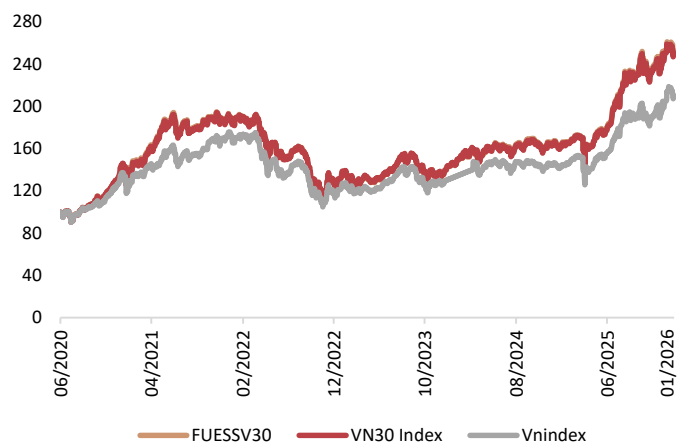
Chỉ số VN30 đại diện cho trên 60% vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập (22/06/2020)
FUESSV30	25,243.05	-0.15%	7.48%	-0.15%	152.43%
VN30 Index	2,029.81	-0.04%	7.66%	-0.04%	150.60%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



2. QUỸ ETF SSIAM VN30 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ - PM update

Chỉ số VN30 giảm 0.04% trong tháng Một, tương ứng quỹ FUESSV30 cũng ghi nhận mức giảm 0.15%.

VN-Index tăng 2.50% trong tháng Một. VN-Index vượt ngưỡng 1,800 điểm vào đầu tháng và chinh phục ngưỡng 1,900 điểm vào giữa tháng, trước khi điều chỉnh giảm và đóng cửa tại 1,829.04 điểm. Đây tiếp tục là mức điểm số đóng cửa tháng cao nhất trong lịch sử của chỉ số VN-Index. Như vậy, tính từ đầu năm 2026, VN-Index ghi nhận mức tăng 2.50%. Trong tháng Một, những yếu tố tích cực đã giúp chỉ số duy trì xu hướng tăng giá trước đó bao gồm:

- (1) Ví mô ổn định và lạm phát duy trì ở mức thấp;
- (2) Ban hành Nghị quyết 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước thành trụ cột tăng trưởng;
- (3) Dòng tiền lan tỏa rộng và tăng đều trên toàn thị trường thay vì tập trung cục bộ tại một nhóm cổ phiếu;

Ngành Năng lượng và Tiện ích dẫn dắt xu hướng tăng điểm của thị trường trong tháng Một: Ngành Năng lượng (+41.8%), Tiện ích (+36.9%) và Nguyên vật liệu (+14%), chiếm khoảng 13.6% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, đã tạo sự lan tỏa lên toàn thị trường, khiến hầu hết các ngành tăng điểm. Trong khi đó, ngành BĐS (-14%), Công nghiệp (-6%) và Dịch vụ truyền thông (-2.8%), chiếm khoảng 30.3% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, đã kéo giảm đà tăng của chỉ số.

Thanh khoản thị trường tăng mạnh so với tháng liền trước: Giá trị giao dịch trung bình ngày (GTGD/BN) trên sàn HSX đạt 1.3 tỷ USD/ngày, tăng 46.9% so với tháng Mười Hai. Nguyên nhân của việc thanh khoản toàn thị trường tăng mạnh tới từ chính những doanh nghiệp niêm yết được dự báo hưởng lợi từ Nghị Quyết 79, từ đó lan tỏa tới giao dịch toàn thị trường.

Khối ngoại tiếp tục duy trì đà bán ròng với quy mô hơn 250 triệu USD: NĐTNN tập trung bán ròng mạnh các mã như VHM, VIC, VRE, MCH, VJC, STB.

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	CỔ PHIẾU	TÊN CÔNG TY	% NAV	STT	CỔ PHIẾU	TÊN CÔNG TY	% NAV
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	3.40	16	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.66
2	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.49	17	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	0.85
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.46	18	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	1.75
4	DGC	CTCP Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	1.15	19	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	3.65
5	FPT	Công ty Cổ phần FPT	10.23	20	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	4.52
6	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam	1.04	21	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	0.85
7	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Sài Gòn	0.47	22	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.09
8	HDB	Ngân hàng Phát triển TP HCM	3.43	23	VHM	CTCP Vinhomes	3.78
9	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	8.32	24	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.17
10	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	3.82	25	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	8.89
11	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	3.54	26	VJC	CTCP Hàng không VietJet	3.33
12	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	5.36	27	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	4.34
13	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	7.57	28	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.31
14	PLX	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	0.55	29	VRE	CTCP Vincom Retail	2.02
15	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	0.52				

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

3. QUỸ ETF SSIAM VNX50

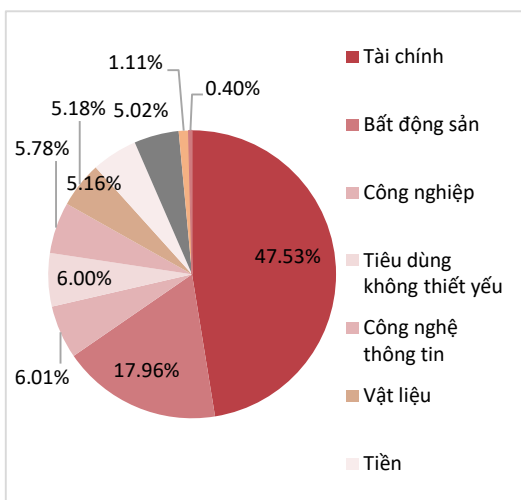
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 31/01/2026

TÊN QUỸ	Quỹ ETF SSIAM VNX50
MÃ QUỸ	FUESSV50
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNX50 Index
NGÀY THÀNH LẬP	10/12/2014
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP, Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	151.97 tỷ VND (~5.82 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0,65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	5,200,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, VCBS, BVSC, MAS, VNDS, VIETCAP, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	BIDV – Chi nhánh Hà Thành

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	50
HỆ SỐ P/E	13.28x
HỆ SỐ P/B	2.02x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ ETF SSIAM VNX50 hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNX50 trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ Số Tham Chiếu, cũng như không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán biến động bất lợi.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU VNX50 – VNX50 INDEX

Chỉ số VNX50 là chỉ số giá bao gồm 50 mã cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX). Chỉ số VNX50 bao gồm 50 công ty có giá trị vốn hóa, tính thanh khoản và tỷ lệ tự do chuyển nhượng hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNX Allshare. Tỷ lệ vốn hóa tối đa áp dụng cho mỗi cổ phiếu trong Chỉ Số VNX50 là 10%. Ngày cơ sở của chỉ số VNX50 là 21/07/2017 với điểm cơ sở là giá trị chỉ số đóng cửa của VNX Allshare ngày 21/07/2017.

Chỉ số VNX50 được xem xét điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần.

Chỉ số VNX50 đại diện cho trên 60% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày chuyển đổi chỉ số (24/10/2017)
FUESSV50	29,224.18	-1.54%	5.62%	-1.54%	173.27%
VNX50 INDEX*	3,298.69	-1.41%	5.95%	-1.41%	165.51%

(* Từ 17/11/2014 đến 22/8/2017, Chỉ số tham chiếu là chỉ số HNX30. Sau 22/8/2017, chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50. Tại ngày 24/10/2017, chứng chỉ quỹ ETF SSIAM VNX50 được niêm yết đầu tiên trên sàn HOSE.

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó, giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



3. QUỸ ETF SSIAM VNX50 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Chỉ số VNX50 giảm 1.41% trong tháng Một, tương ứng quỹ FUESSV50 cũng ghi nhận mức giảm 1.54%.

VN-Index tăng 2.50% trong tháng Một. VN-Index vượt ngưỡng 1,800 điểm vào đầu tháng và chinh phục ngưỡng 1,900 điểm vào giữa tháng, trước khi điều chỉnh giảm và đóng cửa tại 1,829.04 điểm. Đây tiếp tục là mức điểm số đóng cửa tháng cao nhất trong lịch sử của chỉ số VN-Index. Như vậy, tính từ đầu năm 2026, VN-Index ghi nhận mức tăng 2.50%. Trong tháng Một, những yếu tố tích cực đã giúp chỉ số duy trì xu hướng tăng giá trước đó bao gồm:

- (1) Ví mô ổn định và lạm phát duy trì ở mức thấp;
- (2) Ban hành Nghị quyết 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước thành trụ cột tăng trưởng;
- (3) Dòng tiền lan tỏa rộng và tăng đều trên toàn thị trường thay vì tập trung cục bộ tại một nhóm cổ phiếu;

Ngành Năng lượng và Tiện ích dẫn dắt xu hướng tăng điểm của thị trường trong tháng Một: Ngành Năng lượng (+41.8%), Tiện ích (+36.9%) và Nguyên vật liệu (+14%), chiếm khoảng 13.6% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, đã tạo sự lan tỏa lên toàn thị trường, khiến hầu hết các ngành tăng điểm. Trong khi đó, ngành BĐS (-14%), Công nghiệp (-6%) và Dịch vụ truyền thông (-2.8%), chiếm khoảng 30.3% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, đã kéo giảm đà tăng của chỉ số.

Thanh khoản thị trường tăng mạnh so với tháng liền trước: Giá trị giao dịch trung bình ngày (GTGDTBN) trên sàn HSX đạt 1.3 tỷ USD/ngày, tăng 46.9% so với tháng Mười Hai. Nguyên nhân của việc thanh khoản toàn thị trường tăng mạnh tới từ chính những doanh nghiệp niêm yết được dự báo hưởng lợi từ Nghị Quyết 79, từ đó lan tỏa tới giao dịch toàn thị trường.

Khối ngoại tiếp tục duy trì đà bán ròng với quy mô hơn 250 triệu USD: NĐTNN tập trung bán ròng mạnh các mã như VHM, VIC, VRE, MCH, VJC, STB.

3. QUỸ ETF SSIAM VNX50 (tiếp theo)

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Cổ phiếu	Tên công ty	% NAV	STT	Cổ phiếu	Tên công ty	% NAV
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	4.01	26	NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0.66
2	BSR	Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	0.34	27	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	0.40
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.72	28	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	1.48
4	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	0.18	29	POW	Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam	0.40
5	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	0.59	30	PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	0.33
6	DIG	Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	0.44	31	PVS	TCông ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	0.44
7	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	0.25	32	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.96
8	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1.18	34	SHS	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	0.61
9	FPT	Công ty Cổ phần FPT	5.78	34	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	2.08
10	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	0.60	35	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	4.30
11	GEX	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	0.89	36	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	5.34
12	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	0.95	37	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1.00
13	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0.49	38	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.47
14	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	4.05	39	VCG	TCông ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	0.26
15	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	4.32	40	VCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	0.60
16	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	0.27	41	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	4.98
17	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	0.41	42	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.39
18	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	0.69	43	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	8.99
19	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	0.76	44	VIX	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	1.32
20	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	4.51	45	VJC	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	1.71
21	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	4.18	46	VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	0.80
22	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1.03	47	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	2.25
23	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	2.78	48	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	5.09
24	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	3.93	49	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú	0.32
25	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	0.43	50	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	1.05

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

GIẢI THƯỞNG



TẠP CHÍ ALPHA SOUTHEAST ASIA	TẠP CHÍ THE ASSET	TẠP CHÍ ASIANINVESTOR	TẠP CHÍ ASIA ASSET MANAGEMENT
<ul style="list-style-type: none"> “Nền tảng di động và trực tuyến tốt nhất (Công ty Quản lý Quỹ)” năm 2024 “Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 (5 năm liên tiếp) “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân” năm 2020, 2021, 2023, 2024 (2 năm liên tiếp) “Nhà Quản lý Quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021 	<ul style="list-style-type: none"> “Công ty Quản lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023 “Công ty Quản lý Quỹ nội địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018 “Nhà Cung cấp ETF của Năm” 2021 	<ul style="list-style-type: none"> “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2010 “Công ty Quản lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018 “Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022 “Giải Thưởng Thị Trường – Việt Nam” năm 2024 	<ul style="list-style-type: none"> “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016 “Tổng Giám đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022 “Giám đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015 “Quỹ mới của Năm” 2020

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

ÔNG. NGUYỄN NGHĨA TUẤN
Phó Giám đốc phát triển kinh doanh

T: (+84) 24 3936 6321 ext 1633
M: (+84) 94 652 0788
E: tuannn@ssi.com.vn

ÔNG. NGUYỄN TRỌNG HÙNG
Phó Giám đốc đầu tư

T: (+84) 24 3936 6321
E: hungnt@ssi.com.vn